TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2022/HS-ST
Ngày: 20-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyến.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1973, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn NS, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là thôn NS, xã N, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa); Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng TH và bà Mai Thị Q; Có vợ là Trần Thị Q1 (đã chết) và 02 con: lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng (vắng mặt):
1/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp X, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
2/ Đỗ Thị PH, sinh năm 1984.
HKTT: Xóm 5, NG, NS, Thanh Hóa.
Chỗ ở: Ấp 2, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
3/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm HL, VD, N, Nghệ An.
Chỗ ở: Ấp 1, xã LT, N, Đồng Nai.
4/ Nguyễn Văn B, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: Ấp XG, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
5/ Lê Văn N, sinh năm 1975.
Nơi cư trú: Ấp CN, xã VT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
6/ Nguyễn Văn V, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Khu phố PH, thị trấn H, N, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Trần Văn H thuê mặt bằng của ông Nguyễn Văn V, (sinh năm 1988 ngụ tại khu phố PH, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai) với diện tích 200m^2 tọa lạc tại ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai để mở quán Cà phê chòi M. H đăng ký kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát nhưng đến đầu tháng 12 năm 2021 thì H sử dụng quán Cà phê chòi M để làm địa điểm chứa mại dâm và trực tiếp cho nhân viên làm việc tại quán do H quản lý mua bán dâm tại quán để H thu tiền thuê địa điểm với giá tiền là 200.000 đồng/1 lần/ 1 lượt.

Do có nhu cầu mua dâm nên vào khoảng 13 giờ ngày 01/01/2022, Nguyễn Văn P, (sinh năm 1990 ngụ tại ấp X, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai) cùng với Nguyễn Văn B, (sinh năm 1992 ngụ tại ấp XG, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai), Lê Văn N (sinh năm 1975 ngụ tại ấp CN, xã VT, huyện N, tỉnh Đồng Nai) đến quán Cà phê chòi M thuộc ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai gặp Trần Văn H, tại đây P, B và N thỏa thuận với H mua dâm nhân viên nữ tên Đỗ Thị PH, (sinh năm 1984 ngụ tại xóm 5, xã NG, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa) và Nguyễn Thị H, (sinh năm 1989 ngụ tại xóm HL, xã VD, huyện N, tỉnh Nghệ An) bán dâm với giá 400.000 đồng/01 lượt với thời gian quan hệ là 40 phút. H nhận của N số tiền 1.600.000 đồng cho 4 lượt mua dâm cho P, B, N và Hà (người đến sau). Số tiền trên H lấy 800.000 đồng, còn lại 800.000 đồng đưa cho PH và H mỗi người 400.000 đồng theo thỏa thuận từ trước với H.

Đến 13 giờ 30 phút ngày 01/01/2021, Công an xã LT tiến hành kiểm tra và phát hiện bắt quả tang tại quán Cà phê chòi M có 02 cặp nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm là Nguyễn Văn B với Nguyễn Thị H và Lê Văn N với Đỗ Thị PH. Công an xã LT đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H có dấu hiệu tội "Chứa mại dâm" và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án:
+ Số tiền 1.600.000 đồng.

+ 04 bao cao su hiệu Rocmen vỏ màu xanh (trong đó 02 cái đã qua sử dụng, 02 cái chưa sử dụng).

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 74 /CT-VKS-NT ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội " Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi chứa mại dâm của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng, đại điện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ Điều 46; 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2015), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Toà tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su hiệu Rocmen, vỏ màu xanh (trong đó 02 cái đã qua sử dụng, 02 cái chưa sử dụng) là tang vật vụ án.
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 1.600.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn B, Lê Văn N và hành vi bán dâm của Đỗ Thị PH, Nguyễn Thị H, Công an xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H1 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai chưa làm việc được với P, H1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn V là chủ đất cho Trần Văn H thuê đất để mở quán cà phê chòi M, không biết việc kinh doanh mại dâm của H nên không xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Trần Văn H khai đã nhiều lần thực hiện hành vi chứa mại dâm và thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến trước khi bị bắt quả tang, tuy nhiên Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã không chứng minh, làm rõ được người mua dâm cũng như người đã bán dâm tại quán Cà phê chòi M nên không có căn cứ xử lý H theo khoản 2, Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo không có ý kiến gì đối về bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi chứa mại dâm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Trần Văn H mở quán Cà phê chòi M thuộc ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai H sử dụng quán làm địa điểm cho nhân viên làm việc tại quán mua bán dâm theo thỏa thuận mỗi lần nhân viên bán dâm phải trả cho H 200.000 đồng. Vào 13 giờ ngày 01/01/2022 tại quán Cà phê chòi M H nhận của N số tiền 1.600.000 đồng để thực hiện hành vi dùng địa điểm kinh doanh của mình và 02 nhân viên của quán bán dâm cho 04 người, trong đó Nguyễn Văn B với Nguyễn Thị H và Lê Văn N với Đỗ Thị PH đang mua bán dâm thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Trần Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính đến nhân phẩm, danh dự của người phụ nữ, gây mất trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới. Tệ nạn mại dâm nói chung là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến hạnh phúc của các gia đình, là nguồn gốc lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm như AIDS, giang mai, lậu...tệ nạn này đang bị cả xã hội lên án và nhà nước ta kiên quyết bài trừ. Vì thế cần xử lý nghiêm bị cáo để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo để bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo có bố mẹ ruột là người có công với cách

mạng, bản thân bị cáo đang bị bệnh HIV nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[4] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2015), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su hiệu Rocmen, vỏ màu xanh (trong đó 02 cái đã qua sử dụng, 02 cái chưa sử dụng) là tang vật vụ án.
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 1.600.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm.

(Số tiền và vật chứng vụ án đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo bien lai thu tiền số 0001587 ngày 28/4/2022 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện N)

[6] Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn B, Lê Văn N và hành vi bán dâm của Đỗ Thị PH, Nguyễn Thị H, Công an xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H1 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai chưa làm việc được với P, H1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn V là chủ đất cho Trần Văn H thuê đất để mở quán cà phê chòi M, không biết việc kinh doanh mại dâm của H nên không xử lý là phù hợp.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Trần Văn H khai đã nhiều lần thực hiện hành vi chứa mại dâm và thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến trước khi bị bắt quả tang, tuy nhiên Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã không chứng minh, làm rõ được người mua dâm cũng như người đã bán dâm tại quán Cà phê chòi M nên không có căn cứ xử lý H theo khoản 2, Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Chứa mại dâm".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự : Tuyên trả tự do cho bị cáo Trần Văn H tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su hiệu Rocmen, vỏ màu xanh (trong đó 02 cái đã qua sử dụng, 02 cái chưa sử dụng) là tang vật vụ án.
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 1.600.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm.

(Số tiền và vật chứng vụ án đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo bien lai thu tiền số 0001587 ngày 28/4/2022 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện N)

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang